

Bản án số: 04/2024/DSST  
Ngày 30 - 5 - 2024  
“V/v tranh chấp phường, hội”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Văn Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dương

2. Ông Lê Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Hương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa:  
Ông Hoàng Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 và thụ lý bổ sung số 56a/2023/TB-TLVA, ngày 30/10/2023 về “ Tranh chấp phường, hội”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; Nơi cư trú: số 222/56/11, B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt  
Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1988

Nơi cư trú: số A, đường S, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An ( Giấy ủy quyền tham gia tố tụng lập ngày 07/8/2023). Có mặt

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: xóm B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- ông Trần Văn H1, sinh năm 1988

Nơi cư trú: số 222/56/11, B, Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền cho anh Trần Văn H1: anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1988 ( Giấy ủy quyền tham gia tố tụng lập ngày 07/8/2023). Nơi cư trú: số A, đường S, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An. ( Giấy ủy quyền tham gia tố tụng lập ngày 07/8/2023).

- Anh Nguyễn Đình H2, sinh năm 1989

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An

Nơi ở hiện nay: xóm B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Do quen biết với chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992, tại xóm B, xã Đ, huyện Đ, huyện Đ, nên từ ngày 16/10/2021 đến ngày 21/11/2021 chị Nguyễn Thị H đã tham gia phường do chị Nguyễn Thị T là chủ phường, chị H là thành viên của phường, việc tham gia hoạt động phường bằng hình thức online qua nhóm messenger trên facebook, đây là phường đấu có lãi, thanh toán qua hình thức chuyển khoản, các thành viên trong phường hầu như không quen biết nhau, từng ngày 16/10/2021 đến ngày 21/11/2021 chị Nguyễn Thị H đã tham gia phường với chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị H, đã chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng TMCP Q (M) số tài khoản 88888688886 của chị Nguyễn Thị T với với tổng số tiền 1.518.870.000đ (một tỷ năm trăm mười tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng, số tiền phường chị đã nhận từ chị Nguyễn Thị T là 560.830.000đ (năm trăm sáu mươi nghìn tám trăm ba mươi triệu đồng), nay chị Nguyễn Thị T đang nợ chị Nguyễn Thị H số tiền phường là 958.040.000.000đ (chín trăm năm mươi tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng. Nay chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T trả cho chị H số tiền phường chị T chưa thanh toán cho chị 958.040.000.000đ (chín trăm năm mươi tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/10/2023, tại các bản khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn V thống nhất trình bày:

Do quen biết với chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992, tại xóm B, xã Đ, huyện Đ, huyện Đ, nên từ ngày 16/10/2021 đến ngày 21/11/2021 chị Nguyễn Thị H đã tham gia phường do chị Nguyễn Thị T là chủ phường, chị H là thành viên của phường, việc tham gia hoạt động phường bằng hình thức online qua nhóm messenger trên facebook, đây là phường đấu có lãi, thanh toán qua chuyển khoản, các thành viên trong phường hầu như không quen biết nhau, từng ngày 16/10/2021 đến ngày 21/11/2021 chị Nguyễn Thị H đã tham gia phường với chị Nguyễn Thị T, đã chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng TMCP Q (M) số tài khoản 88888688886 của chị Nguyễn Thị T với tổng số tiền 1.518.870.000đ (một tỷ năm trăm mười tám triệu đồng tám trăm bảy mươi nghìn đồng), qua tính toán lại số tiền phường chị Nguyễn Thị H thực nhận tại chị Nguyễn Thị T 497.870.000đ (bốn trăm chín mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng), số tiền còn lại chị T chưa thanh toán cho chị H là 1.024.000.000đ (một tỷ không trăm hai mươi tư triệu đồng), cụ thể như sau:

Dây phường 1: từ ngày 20/10/2021 đến 21/11/2021 gồm 25 phần, quy định 02 ngày mở, đã nộp được 17 phần, tổng số tiền thực nộp 74.460.000đồng, số tiền lãi phường thực nhận 85.000.000đồng

Dây phường 2: từ ngày 20/10/2021 đến 19/11/2021 gồm 14 phần, quy định 03 ngày mở, đã nộp được 11 phần, tổng số tiền thực nộp 60.130.000đồng, số tiền lãi phường thực nhận 66.000.000đồng

Dây phường 3: từ ngày 29/10/2021 đến 18/11/2021 gồm 11 phần, quy định 03 ngày mở, đã nộp được 06 phần tổng số tiền thực nộp 156.140.000đồng, số tiền lãi phường thực nhận 180.000.000đồng

Dây phường 4: từ ngày 31/10/2021 đến 20/11/2021 gồm 20 phần, quy định 02 ngày mở, đã nộp được 11 phần tổng số tiền thực nộp 78.890.000đồng, số tiền lãi phường thực nhận 88.000.000đồng

Dây phường 5: từ ngày 31/10/2021 đến 20/11/2021 gồm 16 phần, quy định 02 ngày mở, đã nộp được 11 phần tổng số tiền thực nộp 85.670.000đồng, số tiền lãi phường thực nhận 99.000.000đồng

Dây phường 6: từ ngày 04/11/2021 đến 21/11/2021 gồm 21 phần, quy định 01 ngày mở, đã nộp được 18 phần tổng số tiền thực nộp 165.040.000đồng, số tiền lãi phường thực nhận 180.000.000đồng

Dây phường 7: từ ngày 05/11/2021 đến 20/11/2021 gồm 17 phần, quy định 03 ngày mở, đã nộp được 06 phần tổng số tiền thực nộp 48.250.000đồng, số tiền lãi phường thực nhận 60.000.000đồng

Dây phường 8: từ ngày 13/11/2021 đến 21/11/2021 gồm 14 phần, quy định 01 ngày mở, đã nộp được 09 phần tổng số tiền thực nộp 168.030.000đồng, số tiền lãi phường thực nhận 180.000.000đồng

Dây phường 9: từ ngày 15/11/2021 đến 21/11/2021 gồm 27 phần, quy định 01 ngày mở, đã nộp được 07 phần tổng số tiền thực nộp 33.540.000đồng, số tiền lãi phường thực nhận 40.000.000đồng

Dây phường 10: từ ngày 16/11/2021 đến 21/11/2021 gồm 22 phần, quy định 01 ngày mở, đã nộp được 06 phần tổng số tiền thực nộp 41.190.000đồng, số tiền lãi phường thực nhận 48.000.000đồng

Tổng số tiền 10 dây phường là 1.026.000.000đồng (trong đó số tiền đã chuyển khoản là 911.340.000đồng và 51.000.000đồng tiền lãi phường), chị Nguyễn Thị T đã thanh toán cho chị 2000.000đồng tiền phường, số nợ phường chị Nguyễn Thị T chưa thanh toán là 1.024.000.000đồng (trong đó 911.340.000đồng chuyển khoản và 51.000.000đồng lãi phường)

Ngoài ra do trong 02 năm qua do chị Nguyễn Thị T không thanh toán cho chị H số tiền phường, nên chị yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T bồi thường thiệt hại cho chị H số tiền tạm tính theo lãi suất ngân hàng là 190.000.000 đồng. Vì vậy chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền phường chưa thanh toán là 1.024.000.000đồng và 190.000.000đồng tiền bồi thường thiệt hại trong 02 năm qua.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2023, ngày 12/4/2014, và đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị H không có quen biết và không có làm ăn gì chung với nhau, từ năm 2021 chị Nguyễn Thị T có thành lập phường bằng hình thức online qua nhóm messenger trên facebook do chị Nguyễn Thị T là chủ phường, mỗi dây phường chị T có quy định thời gian bốc phường, hình thức bốc phường ai đấu mức cao nhất sẽ được lĩnh phường, việc đấu phường các thành viên đều gửi qua messenger trên facebook, việc nộp tiền phường qua chuyển khoản, do việc tham gia phường online qua messenger trên facebook nên chủ yếu tính toán qua máy rồi gửi lên nhóm messenger trên facebook nên không có sổ sách lưu giữ, hiện nay facebook của chị đã mất nên không lưu giữ được tài liệu gì, các thành viên phường chủ yếu do các thành viên mời vào chơi nên chị cũng không biết được họ tên và địa chỉ của thành viên phường ở đâu, đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H thì chị Nguyễn Thị T đồng ý về việc có tham gia phường chỗ chị T, chị T đồng ý có việc nợ tiền phường như yêu cầu của nguyên đơn và hai bên đã thống nhất được với nhau số tiền phường chưa thanh toán. Do phường hiện nay đã bẽ các thành viên phường cũng không chịu thanh toán tiền phường cho chị T nên chị T không có tiền để thanh toán cho chị Nguyễn Thị H, đối với tiền lãi phường 51.000.000đồng chị H yêu cầu chị T không đồng ý vì đây là số tiền đấu còn sót lại chị H chưa nhận từ các thành viên phường, ngoài ra chị H còn yêu cầu chị T bồi thường thiệt hại 02 năm bằng lãi suất Ngân hàng số tiền 190.000.000đồng chị T không đồng ý vì chị T không vay mượn chị H, chị H tự nguyện xin vào chơi, không ai ép buộc, hiện các thành viên phường chưa thanh toán cho chị T. Hiện nay do phường đã bẽ, các thành viên phường đang còn nợ chị Nguyễn Thị T, nên chị Nguyễn Thị T đồng ý chưa thanh toán số tiền còn nợ như yêu cầu của chị T cho chị Nguyễn Thị H, chị T đồng ý sẽ trả cho chị H số tiền nợ phường khi chị T lấy được tiền phường từ các thành viên phường. Ngoài ra chị Nguyễn Thị T trình bày việc chơi phường là do tự chị chơi trên mạng xã hội, chồng chị T anh Nguyễn Đình H2 không biết được việc chị chơi phường, số tiền chơi phường chị trả cho các thành viên phường chứ không dùng vào mục đích gì cho gia đình.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2024 và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Đình H3 trình bày:

Vợ anh tên là Nguyễn Thị H có quen biết với chị Nguyễn Thị T, vào năm 2021 vợ anh H3 chị Nguyễn Thị H có nhờ anh H3 chuyển khoản cho chị Nguyễn Thị T với số tiền là 310.212.000đồng, còn việc chơi phường giữa chị H và chị T như thế nào anh H3 không nắm rõ

Quá trình giải quyết người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình H2 vắng mặt tuy nhiên anh H2 có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày:

Vợ anh Nguyễn Thị T có tham gia phường từ khi nào bản thân anh H2 không nắm rõ, chơi với những ai anh không hề hay biết, chị Nguyễn Thị T không mang lợi ích gì để phục vụ gia đình hay tư lợi gì cho cá nhân.

Tại biên bản xác minh ngày 09/11/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ cho biết chị Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, việc thành lập phường, hội của chị Nguyễn Thị T chính quyền địa phương không nắm được, chị Nguyễn Thị T không thông báo, đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đ

Ngày 20/12/2023 Tòa án nhân dân huyện Đô Lương ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 60/2023/QĐ-CCTLCC về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị T cung cấp tài liệu, văn bản về tổ chức phường, hội giữ chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị H tuy nhiên chị Nguyễn Thị T không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án

Ngày 25/02/2024 Tòa án nhân dân huyện Đô Lương ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 02/2024/QĐ-CCTLCC, về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP Q1 chi nhánh N cung cấp Bảng kê giao dịch chuyển khoản giữa chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị H từ thời gian ngày 15/10/2021 đến ngày 21/11/2021

Ngày 27/02/2024 Ngân hàng TMCP Q1 chi nhánh N đã gửi văn bản số 15/MB-HHT ngày 27/02/2024 và Bảng kê giao dịch chuyển khoản giữa chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị H

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu về buộc bị đơn trả tiền lãi phường số tiền 51.000.000đồng và 190.000.000đồng về bồi thường thiệt hại, yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị T trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền phường chị H đã chuyển khoản là 911.340.000đ (chín trăm mười một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm b, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 217, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015

Căn cứ vào các Điều 352, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 23, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả số tiền phưởng chị Nguyễn Thị T đang còn nợ chị Nguyễn Thị H 911.340.000đ ( chín trăm mười một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng)

- Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T trả số tiền lãi phưởng 51.000.000đ (năm mươi một triệu đồng) và bồi thường thiệt hại 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp phưởng, hụi, bị đơn chị Nguyễn Thị T cư trú tại xóm B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 BLTTDS năm 2015

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình H2 có đơn xin được xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: chị Nguyễn Thị H yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền nợ hụi là 1.024.000.000đồng (một tỷ không trăm hai mươi tư triệu đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời khai của chị Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa và các tài liệu do chị Nguyễn Thị H cung cấp cho Tòa án bao gồm bảng kê số số tiền chuyển khoản tiền phưởng giữa chị H và chị T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á, chi nhánh P - Phòng G và danh sách tổng hợp về đây phưởng chị H tham gia và căn cứ vào lời khai của chị Nguyễn Thị T ngày 09/11/2023, ngày 12/4/2024 và đơn xin giải quyết vắng mặt của chị Nguyễn Thị T ngày 12/4/2024 và bảng sao kê của Ngân hàng TMCP Q1 chi nhánh N, Phòng G1, đều thể hiện chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị T có tham gia tham gia phưởng online qua mesenger trên Facebook, trong đó chị Nguyễn Thị T là chủ phưởng, chị Nguyễn Thị H là thành viên phưởng, đây là phưởng đấu, thanh viên đấu mức lãi cao nhất sẽ được lĩnh phưởng, việc đấu phưởng các thành viên đều gửi qua mesenger trên Facebook, việc nộp tiền phưởng đều qua chuyển khoản, từ đó cho thấy việc chị Nguyễn Thị H tham gia chơi phưởng của chị Nguyễn Thị T làm chủ phưởng là thực tế có xảy ra. Qua đối chiếu với bảng kê phưởng, sao kê Ngân hàng, biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị T thì đủ cơ sở kết luận chị Nguyễn Thị T đang còn nợ chị Nguyễn Thị H số tiền

phường là 911.340.000đ (chín trăm mười một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng)

Căn cứ vào Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về trách nhiệm của chủ phường do không giao hoặc giao không đầy đủ các phần phường cho thành viên được lĩnh phường thì chủ phường phải có trách nhiệm trả số phường chưa thanh toán cho cho các thành viên phường

Điều 352 BLDS năm 2015 quy định “ Bên có nghĩa vụ mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự với bên có quyền”.

Do đó, việc chị Nguyễn Thị H yêu cầu trả số tiền nợ phường 911.340.000đ(chín trăm mười một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với một số thành viên của phường (con phường) đã nhận tiền phường không tiếp tục đóng tiền phường thì chủ phường có quyền yêu cầu các thành viên đó phải nộp theo đúng thỏa thuận, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng thương lượng, hòa giải hoặc khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H và đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H đã tự nguyện rút yêu cầu về số tiền lãi phường 51.000.000đồng và 190.000.000đồng tiền bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử thấy việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận yêu cầu đó, đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn 51.000.000đồng tiền lãi phường và 190.000.000đồng tiền bồi thường thiệt hại,

Đối với anh Nguyễn Đình H2 qua lời khai của anh H2 và biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy việc tổ chức phường của chị Nguyễn Thị T anh Nguyễn Đình H2 không biết, số tiền phường chị Nguyễn Thị T cũng không phục vụ cho gia đình anh H2, chị Nguyễn Thị H cũng thừa nhận chỉ làm việc với chị T, cũng không yêu cầu buộc anh H2 liên đới trả tiền phường nên xác định anh Nguyễn Đình H2 không liên quan đến việc tổ chức phường giữa chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị T

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm b, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 217, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015

Căn cứ vào các Điều 352, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 23, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H**

Buộc bị đơn chị **Nguyễn Thị T** phải có trách nhiệm trả số tiền phùng cho nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** số tiền phùng đã nộp là 911.340.000đ ( chín trăm mười một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng)

[2]. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** về buộc bị đơn chị **Nguyễn Thị T** trả số tiền lãi phùng 51.000.000đ (năm mươi một triệu đồng) và bồi thường thiệt hại 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) cho nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H**

Kể từ ngày chị **Nguyễn Thị H** có đơn yêu cầu thi hành án, chị **Nguyễn Thị T** không thi hành khoản tiền nêu trên thì chị **Nguyễn Thị T** phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu 39.340.200đ (ba mươi chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm

Trả lại cho chị **Nguyễn Thị H** số tiền 20.370.000đ (hai mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003981 ngày 11/10/2023 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Đạt**

